TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2022/HS-ST Ngày: 04/01/2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa**: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.**

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 568/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 574/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với:

- ***Bị cáo:*** **Phạm Thị Đ** (tên gọi khác: Phạm Thị Đg, Phạm Thị Đn), sinh năm 1959 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: không xác định; nơi đăng ký thường trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Phạm Đình P, không rõ năm sinh (đã chết), Họ tên mẹ: Đỗ Thị K, sinh năm 1935 (đã chết). Bị cáo là con lớn trong gia đình có 03 anh chị em. Họ và tên chồng: Nguyễn Tấn D, sinh năm 1955 (đã ly hôn). Có hai con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992.

- Tiền án:

+ Ngày 24/01/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; (Chưa xóa án tích).

+ Ngày 27/08/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; (Chưa xóa án tích)

+ Ngày 11/06/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; (Chưa xóa án tích)

+ Ngày 02/06/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; (Chưa xóa án tích)

+ Ngày 12/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2020; (Chưa xóa án tích)

- *Tiền sự*: không.

- *Nhân thân:*

+ Ngày 21/11/1996, bị Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân.

+ Ngày 29/5/1997, bị Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản công dân.

+ Ngày 26/6/1998, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản công dân.

+ Ngày 27/7/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 16 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản công dân.

+ Ngày 01/4/2002, Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 29/3/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/7/2008, Tòa án nhân dân TX L, Đồng Nai xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/06/2021, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 808 ngày 16/06/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố B, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 350, tổ 11, khu phố L, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 127, tổ 14, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Phạm Thị Đ là người có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Để có tiền tiểu xài, Đ nảy sinh ý định đi tìm kiếm sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Thực hiện ý định trên, vào ngày 09 tháng 6 năm 2021, Đ đã liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 09 ngày 6 năm 2021, Đ đi bộ đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954) tại địa chỉ số 350, tổ 11, khu phố L, phường T phát hiện thấy cửa cổng nhà bà T không khóa, Đ lén lút đi vào bên trong lấy trộm cắp 01 máy tính bảng hiệu Samsung và 01 chiếc diện thoại di động hiệu Iphone 6 của bà T bỏ vào túi nilong định tẩu thoát thì bị bà Tuyền phát hiện, lúc này Đ trả lại số tài sản mới trộm cắp được cho bà T, đồng thời xin bà T tha thứ thì được bà T đồng ý và cho Đ đi về.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6, màu bạc và 01 chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A7, tạm giữ của bà T, là số tài sản bà T bị trộm cắp, sau khi tạm giữ để phục vụ điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà T; (Bút lục số: 99)

- 01 USB lưu trữ nội dung hình ảnh có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo (Lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

Vụ thứ hai: Cùng ngày, ngay sau khi thực hiện vụ trộm trên được bà T tha cho về, Đ tiếp tục đi đến khu vực nhà bà Lê Thị Ngọc Á (sinh năm 1961) tại địa chỉ số 127, tổ 14, khu phố L, phường T phát hiện 01 chiếc túi xách treo trên ghế để trước cửa nhà, Đ liền lén lút lấy trộm chiếc túi xách trên bên trong có đựng số tiền 102.000 đồng (Một trăm linh hai nghìn đồng) rồi bỏ chạy thì bị bà Á phát hiện, truy hô cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được Đ giao cho Công an phường T lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- Số tiền 102.000 đồng (Một trăm linh hai nghìn đồng) là tài sản bà Ánh bị trộm cắp, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu hồi trả lại cho bà Ánh. (Bút lục số: 100);

- 01 chiếc túi xách (không rõ nhãn hiệu), không thu hồi được.

* *Kết luận giám định***:** Tại bản kết luận định giá tài sản số 272/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: "01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 và 01 chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A7, có tổng giá trị định giá là 3.000.000 đồng (bút lục 94 –97).

* *Về dân sự:* Người bị hại bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Ngọc Á không yêu cầu bồi thường. (Bút lục: 76 – 77, 82)

Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản xác định địa điểm phạm tội (Bút lục số: 71-72, 78-79, 87-88, 90-91); Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can (Bút lục số: 59-70); Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng (Bút lục số: 73-77, 80 - 82, 83-84);

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 585/CT-VKSBH ngày 19/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Phạm Thị Đ về tội: "Trộm cắp tài sản", theo điểm g, Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng điểm g, Khoản 2, Điều 173 và Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ từ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại bà Nguyễn Thị T trình bày trong hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt:* Bà không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- *Người bị hại bà Lê Thị Ngọc Á trình bày trong hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt:* Bà không yêu cầu bồi thường về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo, người bị hại bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Ngọc Á có đơn xin xét xử vắng mặt; Tuy nhiên bà T, bà Á đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; Bị cáo và những người bị hại đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; do đó Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Bị cáo Phạm Thị Đ thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Thị Đ là người có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Để có tiền tiêu xài, vào ngày 09 tháng 6 năm 2021, Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường Tam Phước, thành phố B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại địa chỉ số 350, tổ 11, khu phố L, phường T, Đ trộm cắp của bà Nguyễn Thị T 01 máy tính bảng hiệu Samsung và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, tổng giá trị là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Vụ thứ hai: Cùng ngày 09 tháng 6 năm 2021, sau khi thực hiện vụ trộm trên, Đ tiếp tục trộm cắp của bà Lê Thị Ngọc Á tại địa chỉ số 127, tổ 14, khu phố L, phường T 01 túi xách bên trong có đựng số tiền 102.000 đồng (một trăm linh hai nghìn đồng) thì bị phát hiện, bắt giữ, khởi tố, điều tra xử lý.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 3.102.000 đồng (Ba triệu một trăm linh hai nghìn đồng).

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 585/CT-VKSBH ngày 19/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Phạm Thị Đ về tội "trộm cắp tài sản" theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án chưa được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; người bị hại có đơn xin giản nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thuộc trường hợp được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phạm Thị Đ để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Ngọc Á không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Về vật chứng và các vấn đề khác có liên quan vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6, màu bạc và 01 chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A7, tạm giữ của bà T, là số tài sản bà T bị trộm cắp, sau khi tạm giữ để phục vụ điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà T là phù hợp quy định của pháp luật.

- 01 USB lưu trữ nội dung hình ảnh có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với số tiền 102.000 đồng (Một trăm linh hai nghìn đồng) là tài sản bà Á bị trộm cắp, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu hồi trả lại cho bà Á là phù hợp quy định của pháp luật.

- 01 chiếc túi xách (không rõ nhãn hiệu), không thu hồi được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với ý kiến của bị cáo, bị hại được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng Khoản 2, Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2021.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Phạm Thị Đ, bị hại bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Ngọc Á được được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý